

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2023

“*V/v: Tranh chấp ly hôn và việc
nuôi con chung khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Miện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Doanh

Ông Tạ Minh Tiếp

- Thư ký phiên tòa: Trịnh Thị Phương - Thư ký TAND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 92/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Lương Thị Á, sinh năm: 1992

HKTT, chỗ ở hiện tại: Thôn Đ, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái

* **Bị đơn:** Anh Phạm Ngọc P, sinh năm: 1995

HKTT, chỗ ở hiện tại: Xóm A, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** (con chung của chị Á và anh P):
Cháu Phạm Thị Kim H, sinh ngày: 31/8/2014

HKTT, chỗ ở hiện tại: Thôn Đ, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái

Người đại diện theo pháp luật của cháu Phạm Thị Kim H: Chị Lương Thị Á - Mẹ đẻ, anh Phạm Ngọc P - Bố đẻ.

HKTT, chỗ ở hiện tại: Thôn Đ, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái

* **Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái

Tại phiên tòa, vắng mặt chị Á, anh P và bà T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị Á trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Ngọc P trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 18/4/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách khác biệt, bất đồng quan điểm sống. Anh P không quan tâm đến vợ con, không tu chí làm ăn, chị khuyên anh nhiều lần nhưng anh không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và đã ly thân khoảng 07 năm nay không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là cháu Phạm Thị Kim H, sinh ngày 31/8/2014, cháu ở với chị từ khi anh chị ly thân đến nay. Chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Chị xác định không có gì chung, chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Bị đơn anh Phạm Ngọc P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận anh và chị Á tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn như chị Á trình bày trên. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Á hay mang chuyện nhà đi kể với hàng xóm, anh đã góp ý nhưng chị Á không sửa nên vợ chồng cãi nhau, có nhiều lần anh đánh chị Á. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, gia đình có hòa giải nhưng không được, anh chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay không quan tâm đến nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Á có 01 con chung như chị Á trình bày. Anh đồng ý để chị Á trực tiếp nuôi con chung đến khi cháu thành niên. Tại BB lấy lời khai, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.500.000đ/tháng (hai triệu năm trăm nghìn đồng một tháng) cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) nhưng tại biên bản hòa giải anh và chị Á đều thống nhất anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Anh xác định anh chị không có gì chung, anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Phạm Thị Kim H trình bày:* Nếu bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu mong được tiếp tục ở với mẹ vì từ khi bố, mẹ cháu ly thân đến nay cháu ở với mẹ và được mẹ quan tâm chăm sóc.

* *Người làm chứng bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà là mẹ đẻ chị Á, anh P là con rể bà. Quá trình chung sống, chị Á và anh P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách anh chị không hợp nhau, anh P lại không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Năm 2016, chị Á đưa con chung của anh chị là cháu Phạm Thị Kim H sinh ngày 31/8/2014 về nhà bà tại thôn Đ, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái sinh sống từ đó đến nay không thấy anh P liên lạc hay quan tâm gì đến mẹ con chị Á. Về quan hệ hôn nhân của chị Á và anh P, bà đề anh chị tự quyết định.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Chị Lương Thị Á và anh Phạm Ngọc P không đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V mà đăng ký tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái vào năm 2014. Sau khi kết hôn, chị Á chuyển về chung sống cùng anh P và sinh được 01 người con là cháu Phạm Thị Kim H sinh ngày 31/8/2014. Quá trình chung sống, anh chị hay xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Chị Á và cháu H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị Á ở từ năm 2016 đến nay. Chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

* Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa được HĐXX tiến hành đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không chấp hành đúng quy định tại điều 70; điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; điều 81, điều 82, điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm b khoản 1 điều 39; Khoản 4 điều 147; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị Á ly hôn anh P.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Phạm Thị Kim H sinh ngày 31/8/2014 cho chị Lương Thị Á trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Á phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, người làm chứng vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự và người làm chứng.

[2] *Về nội dung:* Căn cứ vào lời khai của các đương sự, người làm chứng, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, kết quả xác minh tại Công an xã V, các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ khẳng định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Á và anh Phạm Ngọc P kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái số 15, quyền số 01 ngày 18/4/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Năm 2016 chị Á đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái sinh sống từ đó đến nay, anh chị ly thân, không quan tâm, liên lạc với nhau. Anh P không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị Á nhưng trong 07 năm ly thân anh không làm gì để vợ chồng đoàn tụ, hôn nhân giữa anh chị chỉ tồn tại về mặt pháp lý nên không có căn cứ chấp nhận quan điểm đề nghị của anh. HĐXX Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Á và anh P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Á xin ly hôn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về con chung: Chị Á và anh P có 01 con chung là cháu Phạm Thị Kim H sinh ngày 31/8/2014. Chị Á có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi), anh P đồng ý với yêu cầu của chị Á. Chị Á có công việc và thu nhập ổn định nên cần giao cháu Phạm Thị Kim H cho chị Á trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu thành niên. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Chị Á và anh P không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Lương Thị Á phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Khoản 2 Điều 229; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; điều 81, điều 82, điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Á, xử cho chị Á được ly hôn anh Phạm Ngọc P.

- *Về con chung:* Giao cháu Phạm Thị Kim H sinh ngày 31/8/2014 cho chị Lương Thị Á trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Ngọc P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức:* Không đặt ra giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Lương Thị Á phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Á đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0010915 ngày 29/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang, chị Á đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA, TAND tỉnh HY;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Văn Giang;
- Chi cục THADS huyện Văn Giang;
- UBND xã P, huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ MIỆN